

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			205	38	18.54	80	39.02	85	41.46	2	0.98	0	0	203	99.02	0	0	153	74.63	50	24.39	2	0.98	0	0	205	100	0	0		
1	Khối 8		114	21	18.42	44	38.6	47	41.23	2	1.75	0	0	112	98.25	0	0	82	71.93	30	26.32	2	1.75	0	0	114	100	0	0		
1.1	8C1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	35	4	11.43	11	31.43	19	54.29	1	2.86	0	0	34	97.14	0	0	26	74.29	8	22.86	1	2.86	0	0	35	100	0	0		
1.2	8C2	Lê Thị Phương	37	4	10.81	13	35.14	19	51.35	1	2.7	0	0	36	97.3	0	0	28	75.68	8	21.62	1	2.7	0	0	37	100	0	0		
1.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	42	13	30.95	20	47.62	9	21.43	0	0	0	0	42	100	0	0	28	66.67	14	33.33	0	0	0	0	42	100	0	0		
2	Khối 9		91	17	18.68	36	39.56	38	41.76	0	0	0	0	91	100	0	0	71	78.02	20	21.98	0	0	0	0	91	100	0	0		
2.1	9D1	Nguyễn Thị Hương	46	6	13.04	15	32.61	25	54.35	0	0	0	0	46	100	0	0	36	78.26	10	21.74	0	0	0	0	46	100	0	0		
2.2	9D2	Nguyễn Thị Thu Hà	45	11	24.44	21	46.67	13	28.89	0	0	0	0	45	100	0	0	35	77.78	10	22.22	0	0	0	0	45	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần